

Long Khánh, ngày 03 tháng 01 năm 2025

**BẢNG NIÊM YẾT GIÁ NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN
NĂM 2025**

ĐVT: VNĐ

STT	TÊN THUỐC - NỒNG ĐỘ/ HÀM LƯỢNG - HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	ĐVT	GIÁ BÁN	GHI CHÚ
1	Aceclofenac (Aceclonac), 100mg, (RAFARM S.A.,Greece)	Viên	6.313	
2	Acenocoumarol (TEGRUCIL-1), 1mg, (Davipharm,VN)	Viên	2.695	
3	Acetazolamid, 250mg, (Pharmedic,VN)	Viên	1.150	
4	Acetic acid (MEPATYL), 2% 10ml, (Merap Group,VN)	Lọ	48.150	
5	Acetylcysteine (Stacytine 200), 200mg, (Stellapharm,VN)	Viên	1.877	
6	Acetylleucin (SaVi Leucin), 500mg, (Savipharm,VN)	Viên	2.420	
7	Acetylsalicylic acid (Aspirin Tab DWP), 75mg, (Wealphar,VN)	Viên	305	
8	Aciclovir (Aciclovir 200mg), 200mg, (Minh Dân,VN)	Viên	465	
9	Aciclovir (Acyclovir STELLA 800), 800mg, (Stellapharm,VN)	Viên	4.400	
10	Aciclovir (FRECLOVIR 800), 800mg, (,VN)	Viên	2.298	
11	Aciclovir 5%, 250mg/5g, (Medipharco,VN)	Tube	4.235	
12	Acid acetylsalicylic (Aspirin 81), 81mg, (Agimexpharm,VN)	Viên	76	
13	Acid alendronic (Alovell), 70mg, (PT. Novell Pharmaceutical Laboratories,Indonesia)	Viên	16.853	
14	Acid tranexamic (Duhemos), 500mg, (Hasan,VN)	Viên	2.749	
15	Acid ursodeoxycholic (Hep-Uso), 250mg, (Vidipha,VN)	Viên	8.988	
16	ACYCLOVIR 400, 400mg, (Vidipha,VN)	Viên	845	
17	Adapalen 0.1% (Acnemine), 15mg/15g, (OPV,VN)	Tuýp	59.920	
18	Adapalene (Differin 0,1%), 0,1%_30g, (Laboratoires Galderma,France)	Tube	147.630	
19	Aescin (ATMECIN), 40mg, (Hà Nam,VN)	Viên	6.377	
20	AGI-CALCI (Calci carbonate 1.250mg+Cholecalciferol 200IU), (Agimexpharm,VN)	Viên	1.001	
21	Albendazol (SaVi Albendazol 200), 200mg, (Savipharm,VN)	Viên	1.980	
22	Albendazol (SaViAlben 400), 400mg, (Savipharm,VN)	Viên	3.562	
23	Alcool 70 (Ethanol+Nước tinh khiết), 96%.43,75ml, (OPC,VN)	Chai	3.264	
24	Alfuzosin HCl (ALANBOSS XL10), 10mg, (Hasan - Dermapharm,VN)	Viên	7.685	
25	Allopurinol (Angut 300), 300mg, (Hậu Giang,VN)	Viên	585	

STT	TÊN THUỐC - NỒNG ĐỘ/ HÀM LƯỢNG - HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	ĐVT	GIÁ BÁN	GHI CHÚ
26	Allopurinol (Milurit), 300mg, (Egis,Hungary)	Viên	2.673	
27	Alphachymotrypsin (Alphausar), 42 microkatal, (Usarichpharm,VN)	Viên	1.964	
28	Alphachymotrypsin (Chymorich 8400UI), 8400UI, (Usarichpharm,VN)	Viên	4.927	
29	Alumag-S (Nhôm hydroxyd+Magnesi hydroxyd+ Simethicone), 800,4mg+4596mg+80mg; 15g , (Agimexpharm,VN)	Gói	3.788	
30	Aluminalum phosphat (Phosphalugel), 20%/12,38g, (Pharmatis,France)	Gói	4.126	
31	Ambroxol (Lingasol Drop), 7.5mg/ml_30ml, (Hà Nam,VN)	Lọ	34.775	
32	Ambroxol hydroclorid (AMXOLPECT 15mg), 15mg/5ml, (Meyer - BPC,VN)	ống	1.802	
33	Amitriptylin HCL (Amitriptyline hydrochlorid), 25mg, (Saviphar,VN)	Viên	2.420	
34	Amlodipin (Stadovas 5 CAP), 5mg, (Stellapharm,VN)	Viên	840	
35	Amlodipine (Amlor cap), 5mg, (Pfizer,France)	Viên	8.125	
36	Amoxicilin (Praverix), 500mg, (S.C. ANTIBIOTICE S.A.,Romania)	Viên	2.564	
37	Atorvastatin (Lipitor), 10mg, (Pfizer,GERMANY)	Viên	17.057	
38	Atorvastatin (Lipitor), 20mg, (Pfizer,GERMANY)	Viên	17.057	
39	Atorvastatin (Lipvar 10), 10mg, (Hậu Giang,VN)	Viên	351	
40	Atsypax 600 (Amoxicilin+Acid clavulanic), (600mg+42,9mg)/2,2g , (Hà Tây,VN)	Gói	14.959	
41	Auclanityl (Amoxicilin+Acid clavulanic), 875/125mg, (Tipharco,VN)	Viên	4.312	
42	Augmentin (Amoxicilin+Acid Clavulanic), 250mg+31,25mg, (Glaxo,France)	Gói	11.417	
43	Augmentin (Amoxicillin+Acid Clavulanic), 500mg+62,5mg, (Glaxo SK,France)	Gói	17.135	
44	Augmentin 1g (Amoxicilin + Kali clavulanat), 875mg+125mg, (SmithKline Beecham Pharmaceuticals-UK,Anh)	Viên	17.848	
45	Augmentin 625mg (Amoxicilin+Acid Clavulanic), 500mg+125mg, (Glaxo SK,Anh)	Viên	12.772	
46	AUTHISIX (Calcium carbonate 1.500mg+Vitamin D3 400IU), 1.500mg+400IU, (Meyer - BPC,VN)	Viên	4.290	
47	Azithromycin (Binozyt), 200mg/5ml_15ml, (Sandoz GmbH,Romania)	Lọ	85.386	
48	Azithromycin (ZITROMAX), 500mg, (Haupt Pharma Amareg GmbH,Italy)	Viên	96.107	
49	Bacillus subtilis (Biosyn), $\geq 10^8$ CFU, (Bidiphar,VN)	Gói	3.234	
50	Bacillus subtilis (Domuvar), 2x10 ⁹ _5ml, (CPC1 Hà Nội,VN)	Ống	5.885	
51	Bào tử kháng đa kháng sinh Bacillus clausii (ENTEROGERMINA), 2 tỷ bào tử/5ml , (Sanofi,Italy)	Ống	7.023	

STT	TÊN THUỐC - NỒNG ĐỘ/ HÀM LƯỢNG - HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	ĐVT	GIÁ BÁN	GHI CHÚ
52	Belara (Ethinyl estradiol + Chlormadinon acetat), 0,03mg+2mg, (Gedeon Richter,Hungary)	Viên	8.152	
53	Betahistin dihydroclorid (SaVi Betahistine 8), 8mg, (Savipharma,VN)	Viên	1.024	
54	Bismuth subsalicylat (Ulcersep), 262.5mg , (OPV,VN)	Viên	4.366	
55	Bisoprolol fumarate (Concor 2,5), 2,5mg, (Merck,Áo)	Viên	3.462	
56	Bisoprolol fumarate (Concor 5), 5mg, (Merck,Áo)	Viên	4.719	
57	Biviantac (Magnesi hydroxyd 800,4mg + Nhôm hydroxyd 612mg + Simethicon 80mg), 10ml, (VN)	Gói	3.520	
58	Budesonide (Benita), 64mcg_0,05ml, (Merap Group,VN)	Lọ	96.300	
59	Calci lactat (Fucalmax), 500mg/10ml, (Medisun,VN)	Ống	3.740	
60	Calcipotriol (CIPOSTRIL), 1.5mg/30g, (Agimexpharm,VN)	Tube	102.185	
61	Calcium Lactate Pentahydrate (Calcium Lactate 300 Tablets), 300mg, (Remedica,Czech)	Viên	2.200	
62	Candesartan cilexetil (Guarente-16), 16mg, (Davipharma,VN)	Viên	4.939	
63	Cao khô lá thường xuân (CAPILUSA), 26mg, (Mediplantex,VN)	Viên	5.564	
64	Cao khô lá Thường Xuân (Tùng Lộc HELIX), 0.7g/100ml, (Quốc Tế,VN)	Chai	21.935	
65	Captopril Stada, 25mg, (Stada,VN)	Viên	552	
66	Carbamazepine (Tegretol CR), 200mg, (Novartis,Italy)	Viên	2.864	
67	Cefaclor (Metiny), 375mg, (Merap Group,VN)	Viên	10.593	
68	Cefdinir (Setpana), 300mg, (Hataphar,VN)	Viên	13.482	
69	Cefixim (iMEXime 200), 200mg, (Imexpharm,VN)	Viên	7.865	
70	Cefixim (Orabakan 200), 200mg, (Minh Hải,VN)	Viên	7.383	
71	Cefixim 50mg, 50mg, (Minh Dân,VN)	Gói	915	
72	Cefixime (Imexime 100), 100mg, (Imexpharm,VN)	Gói	7.303	
73	Cefixime (Imexime 50), 50mg, (Imexpharm,VN)	Gói	5.499	
74	Cefixime (Mecefix-B.E), 75mg, (Merap Group,VN)	Gói	6.099	
75	Cefpodoxime (Cebest 100), 100mg, (Merap Group,VN)	Gói	8.453	
76	Cefpodoxime (Cebest 50), 50mg, (Merap Group,VN)	Gói	6.420	
77	Cefpodoxime (Cefpovera 40), 40mg, (Trust Farma Quốc Tế,VN)	Gói	5.832	
78	Cefprozil (CEFPROZIL 250), 250mg, (US PHARMA USA,VN)	Viên	16.799	
79	Cefuroxim (Cefuroxime), 500mg, (Minh Dân,VN)	Viên	2.657	
80	Cefuroxim (Efodyl 125), 125mg, (Merap Group,VN)	Gói	7.169	
81	Cefuroxim (Efodyl 250), 250mg, (Merap Group,VN)	Gói	9.630	
82	Cefuroxim (Febgas 250), 250mg, (Medisun,VN)	Gói	8.507	
83	Cefuroxim (Negacef 500), 500mg, (Pymepharco,VN)	Viên	6.399	
84	Cefuroxim (Zinnat 250), 250mg, (Glaxo SK,Anh)	Viên	13.386	
85	Cefuroxim (Zinnat 500), 500mg, (Glaxo SK,Anh)	Viên	23.679	
86	Celecoxib (Golcoxib), 200mg, (Medisun,VN)	Viên	2.541	

STT	TÊN THUỐC - NỒNG ĐỘ/ HÀM LƯỢNG - HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	ĐVT	GIÁ BÁN	GHI CHÚ
87	Cephalexin (OPXIL IMP), 500mg, (Imexpharm,VN)	Viên	4.070	
88	Cephalexin, 500mg, (Minh Dân,VN)	Viên	943	
89	Chlorhexidin digluconat (Medoral), 2%_250ml, (Merap Group, Virgin islands (u.s.))	Chai	96.300	
90	Choline Alfoscerate (TENASPEC), 800mg, (Mediplantex,VN)	Viên	25.573	
91	Cinnarizine (Stugeron), 25mg, (Olic,Thailand)	Viên	853	
92	Ciprofloxacin (Cifga), 500mg, (Hậu Giang,VN)	Viên	679	
93	Ciprofloxacin (Ciprofloxacin 250-US), 250mg, (US PHARMA USA,VN)	Gói	12.787	
94	Clarithromycin (Remeclar 500), 500mg, (Remedica,Cyprus)	Viên	17.634	
95	Clisma-lax (Monobasic natri phosphat + Dibasic natri phosphat), 13,91g+ 3,18g/100ml; 133ml , (SOFAR S.P.A,Italy)	Chai	67.838	
96	Clobetasol propionat (Derminate), 0.05%/10g, (AnThien Pharma ,VN)	Tube	9.737	
97	Clopidogrel (DogrelSaVi), 75mg, (Savipharm,VN)	Viên	1.133	
98	Clopidogrel (EDIWEL), 75mg, (Hà Tây,VN)	Viên	2.145	
99	Clopidogrel (Plavix), 75mg, (Sanofi,France)	Viên	17.996	
100	Clorpheniramin, 4mg, (DP 3/2,VN)	Viên	49	
101	Clorpheniramin, 4mg, (KHANH HOA,VN)	Viên	46	
102	Clotrimazole (Metrima 500), 500mg, (DP 3/2,VN)	Viên	6.875	
103	Co-Diovan (Valsartan+Hydrochlorothiazide), 80mg+12.5mg, (Novartis,Italy)	Viên	10.686	
104	Colchicin, 1mg, (KHANH HOA,VN)	Viên	284	
105	Combigan (Brimonidine tartrate+Timolol), (2mg+5mg)/ml_5ml, (Allergan Pharmaceuticals Ireland,Ireland)	Lọ	192.689	
106	Corsidic H (Fusidic acid + Hydrocortison), (100mg+50mg)/5g_10g, (Shinpoong,VN)	Tube	58.850	
107	Curam 625mg (Amoxicillin+Acid Clavulanic), 500mg+125mg, (Lek,Slovenia)	Viên	4.545	
108	Dabigatran etexilate (Pradaxa 110), 110mg, (Boehringer Ingeltheim,GERMANY)	Viên	32.515	
109	Dapagliflozin (Dapzin-10), 10mg, (MICRO LABS LTD.,India)	Viên	16.264	
110	Dapagliflozin (Forxiga), 10mg, (Astra Zeneca,USA)	Viên	20.330	
111	Deflazacort (BASMETIN), 6mg, (Medisun,VN)	Viên	7.843	
112	Dequalinium clorid (Qualizin), 10mg, (Donaipharm,VN)	Viên đặt	15.836	
113	Desloratadin (BILODES), 0.5mg/ml_60ml, (Bidiphar,VN)	Chai	17.976	
114	Desloratadin (Zolastyn), 5mg, (Davipharm,VN)	Viên	564	
115	Desloratadine (Tadaritin), 5mg, (Laboratorios lesvi.s.l,Spain)	Viên	5.885	
116	Diclofenac (Voltaren 75), 75 mg, (Novartis,Italy)	Viên	6.618	
117	Diclofenac natri (Voltaren), 100mg, (Novartis,France)	Viên đặt	16.694	
118	Dienogest (Visanne), 2mg, (Bayer,GERMANY)	Viên	45.038	

STT	TÊN THUỐC - NỒNG ĐỘ/ HÀM LƯỢNG - HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	ĐVT	GIÁ BÁN	GHI CHÚ
119	Diethylphtalat (DEP), 10g, (Mekophar,VN)	Lọ	8.560	
120	Digoxine, 0,25mg, (DP 3/2,VN)	Viên	725	
121	Diltiazem (Diltiazem Stella 60mg), 60mg, (Stellapharm,VN)	Viên	1.320	
122	Dinoprostone (Propess), 10mg,Túi (Ferring,Anh)	Túi	981.225	
123	Diocahedral smectite (Grafort), 3g, (Daewoong,Korea)	Gói	8.357	
124	Diosmectite (Smecta), 3g, (Ipsen,France)	Gói	3.823	
125	Diosmin (DIOSFORT), 600mg, (Savipharm,VN)	Viên	6.367	
126	Domitazol, 250mg+20mg+25mg, (Domesco,VN)	Viên	2.652	
127	Domperidon (A.T Domperidon), 1mg/ml_60ml, (AnThien Pharma ,VN)	Chai	9.325	
128	Domperidon (Domreme), 10mg, (Remedica,Cyprus)	Viên	1.127	
129	Doxycyclin (Doxycyclin 100mg), 100mg, (Domesco,VN)	Viên	604	
130	Drotaverin hydroclorid (RAMASAV), 40mg, (Savipharm,VN)	Viên	656	
131	Drotaverine HCl (No-Spa forte), 80mg, (Chinoi,Hungary)	Viên	1.274	
132	Dutasterid (Prelone), 0.5mg, (Phil Inter Pharma,VN)	Viên	7.918	
133	Dydrogesteron (Duphaston), 10mg, (Solvay,Hà lan)	Viên	8.269	
134	Ebastin (SaVi Ebastin 10), 10mg, (Savipharm,VN)	Viên	4.895	
135	Empagliflozin (Jardiance), 10mg, (Boehringer Ingeltheim,GERMANY)	Viên	24.687	
136	Empagliflozin (Jardiance), 25mg, (Boehringer Ingeltheim,GERMANY)	Viên	28.390	
137	Enalapril (Enalapril STELLA), 5mg, (Liên doanh Stada- Việt Nam,VN)	Viên	420	
138	Enalapril (Zondoril 10), 10mg, (Hataphar,VN)	Viên	1.320	
139	Epclusa (Sofosbuvir + Velpatasvir), 400mg+100mg, (Patheon Inc.,Canada)	Viên	281.138	
140	Eperison HCl (Ryzonal), 50mg, (Davipharm,VN)	Viên	575	
141	Erose (L-Cystin + Pyridoxin), 500mg + 50mg, (Domesco,VN)	Viên	3.905	
142	Esomeprazol (Jiracek-20), 20mg, (Davipharm,VN)	Viên	874	
143	Esomeprazole (Nexium 20), 20mg, (Astra Zeneca,Sweden)	Viên	24.028	
144	Esomeprazole (Stadnex 20 CAP), 20mg, (Stellapharm,VN)	Viên	2.981	
145	Esomeprazole (Stadnex 40 CAP), 40mg, (Stada,VN)	Viên	6.955	
146	Eucalyptol (Dầu Khuynh diệp OPC), 12.44g/15ml, (OPC,VN)	Chai	42.693	
147	Exforge (Amlodipin+Valsartan), 5mg+80mg, (Siegfried Barbera, S.L.,Spain)	Viên	10.686	
148	Fenofibrate (Lipanthyl), 145mg, (Abbott,)	Viên	11.300	
149	Fenofibrate (REDLIP 145), 145mg, (Inventia,India)	Viên	6.292	
150	Fexofenadin HCl (Telfast HD), 180mg, (Sanofi,VN)	Viên	7.810	
151	Fexofenadin hydroclorid (Vinfast 180), 180mg, (Vĩnh Phúc,VN)	Viên	1.070	

STT	TÊN THUỐC - NỒNG ĐỘ/ HÀM LƯỢNG - HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	ĐVT	GIÁ BÁN	GHI CHÚ
152	Flavoxat hydrochlorid (Tasredu), 200mg, (Quang Minh,VN)	Viên	2.721	
153	Fluconazol (Fluconazol Stella), 150mg, (Stellapharm,VN)	Viên	10.165	
154	Flunarizin (MIRENZINE), 5mg, (Medisun,VN)	Viên	1.375	
155	Fluorometholone (Flumetholon), 1mg/ml 5ml, (Santen,Japan)	Lọ	32.177	
156	Fluticasone (Flixonase), 0,05%, (Glaxo SK,Spain)	Lọ	155.322	
157	Fluticasone propionate (Meseca), 60 liều/, (Merap Group,VN)	Lọ	102.720	
158	Folihem (Sắt fumarat + Acid Folic), 310mg + 0,35mg, (Remedica Ltd,Cyprus)	Viên	2.475	
159	Furosemide (Polfurid), 40mg, (Polfarmex S.A,Balan)	Viên	3.850	
160	Gabapentin (Neurontin), 300mg, (Pfizer,USA)	Viên	12.108	
161	Gabapentin (Remebentin 100), 100mg, (Remedica Ltd,Cyprus)	Viên	3.410	
162	Ginkgo biloba (Bilomag), 80mg, (NATUR PRODUKT PHARMA SP.Z.O.O,Poland)	Viên	7.383	
163	Gliclazid (Diamicon MR), 30mg, (Les Laboratoires Servier Industrie,France)	Viên	2.950	
164	Gliclazid (Diamicon MR), 60mg, (Les Laboratoires Servier Industrie,France)	Viên	5.485	
165	Glucosamin (Otibone), 1000mg, (Boston,VN)	Gói	3.850	
166	Glucosamin sulfat (Cadiflex 1500), 1.5g, (US PHARMA USA,VN)	Gói	7.271	
167	Glycerol (STIPROL), 6.75g/9g, (Hadiphar,VN)	Tube	7.415	
168	Hoastex (Húng chanh,Núc nác,Cineol), (45g+11,25g+83,7mg)/90ml_5ml, (OPC,VN)	Gói	2.657	
169	Hoastex 90ml (Sirô Thuốc), 45g+11,25g+83,7g, (OPC,VN)	Chai	39.323	
170	Hyvalor plus (Amlodipin 5mg + Valsartan 80mg), 5mg+80mg, (United,VN)	Viên	9.416	
171	Imefed (Amoxicillin+ Clavulanic acid), 500mg+125mg, (Imexpharm,VN)	Gói	10.358	
172	Indapamid DWP 2.5mg, 2.5mg, (Wealphar,VN)	Viên	1.640	
173	Indapamide (Natrili SR), 1.5mg, (Servier,France)	Viên	3.592	
174	Insulin Aspart Biphasic (rDNA) hỗn dịch (NovoMix 30 FlexPen), 300IU/3ml, (Novo Nordisk A/S,Denmark)	Bút tiêm	210.533	
175	Insulin glargin (Lantus SoloStar), 300UI/3ml, (Sanofi - Aventis Deutschland GmbH,GERMANY)	Bút tiêm	270.002	
176	insulin Mixtard 30 FlexPen, 300IU/3ml, (Novo Nordisk A/S,Denmark)	Bút tiêm	69.550	
177	Irbesartan (Aprovel 150), 150mg, (Sanofi,France)	Viên	10.230	
178	Irbesartan (Savi Irbesartan), 75mg, (Savipharm,VN)	Viên	3.278	
179	Isosorbide (Vasotrate-30 OD), 30mg, (Torrent,India)	Viên	2.750	
180	Itraconazol (Itraconazole), 100mg, (Mekophar,VN)	Viên	5.500	
181	Ivabradin (Nisten), 5mg, (Davipharm,VN)	Viên	3.135	
182	Ivermectin (Ascarantel 6), 6mg, (OPV,VN)	Viên	19.260	

STT	TÊN THUỐC - NỒNG ĐỘ/ HÀM LƯỢNG - HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	ĐVT	GIÁ BÁN	GHI CHÚ
183	Ivermectin (Ivermectin 3 A.T), 3mg, (AN THIEN PHARMA,VN)	Viên	7.977	
184	Kali Chlorid (Kalium chloratum), 500mg, (Biomedica, spol.s.r.o,Czech)	Viên	1.650	
185	Kẽm gluconat (Siro Snapcef), 16mg/10ml, (Hải Dương,VN)	Ống	9.625	
186	Ketoconazol (Ketoconazol), 2%_10g, (Medipharco,VN)	Tube	5.335	
187	Ketosteril (Các muối calci dẫn xuất của acid amin và các acid amin), (Fresenius Kabi,Portugal)	Viên	14.493	
188	Kogimin, 1250 IU+ 250IU+5mg+2 mg+50 mg+18 mg+3 mcg+200 mcg+ 5 mg 60.68 mg+ 147.3 mg+ 1.02 mg+ 0.0235 mg, (Mediplantex,VN)	Viên	3.300	
189	Kremil-S (Aluminium hydroxide + Magnesium hydroxide + Simethicone, (United,VN)	Viên	1.070	
190	Lactulose (Companity), 670mg/ml_7,5ml, (CPC1 Hà Nội,VN)	Ống	3.630	
191	Lanam SC (Amoxicillin+Clavulanic acid), 200mg+28,5mg, (Imexpharm,VN)	Gói	7.303	
192	Levocetirizine (RIPRATINE), 5mg, (Medisun,VN)	Viên	1.980	
193	Levofloxacin (Kaflovo), 500mg, (KHANH HOA,VN)	Viên	1.111	
194	Levofloxacin (LEVODHG), 500mg, (Hậu Giang,VN)	Viên	1.155	
195	Levofloxacin hydrat (Cravit 0.5%), 25mg/5ml , (Santa pharma,Japan)	Lọ	94.711	
196	Levosulpirid (Evaldez-100), 100mg, (Davipharm,VN)	Viên	7.223	
197	Levosulpirid (Medi-Levosulpirid), 50mg, (Medisun,VN)	Viên	3.685	
198	Levothyroxine sodium (Berlthyrox 100), 100mcg, (Berlin Chemie ,GERMANY)	Viên	615	
199	Lisonorm (Amlodipine+Lisinopril), 5mg+10mg, (Gedeon Richter,Hungary)	Viên	5.618	
200	L-Omithin L-Aspartat (Melopower), 300mg, (Mediplantex,VN)	Viên	3.740	
201	Loratadin (Loratadine Savi 10), 10mg, (Savipharm,VN)	Viên	345	
202	Loratadine (Lorastad 10 Tab.), 10mg, (Stellapharm,VN)	Viên	978	
203	Losartan kali (LIPCOR 50), 50mg, (Hậu Giang,VN)	Viên	507	
204	MAGIEBION (Magnesium lactat dihydrat+Vitamin B6), 470mg+5mg, (Hải Dương,VN)	Viên	1.224	
205	Masopen 100/10 (Levodopa 100mg + Carbidopa 10mg), (Hasan - Dermapharm,VN)	Viên	3.280	
206	Meloxicam (Mebilax 7.5), 7.5mg, (Hậu Giang,VN)	Viên	204	
207	Meloxicam (Mobic 7.5), 7,5mg, (Boehringer Ingeltheim,Greece)	Viên	9.761	
208	Meloxicam (Mobic), 15mg, (Boehringer,Greece)	Viên	17.322	
209	Mepoly, 35mg+ 100.000IU + 10mg, (Merap Group,VN)	Lọ	39.590	

STT	TÊN THUỐC - NỒNG ĐỘ/ HÀM LƯỢNG - HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	ĐVT	GIÁ BÁN	GHI CHÚ
210	Mesalamin (VINSALAMIN), 500mg, (Vĩnh Phúc,VN)	Viên	8.400	
211	Metformin HCl (Glucophage XR 1000), 1000mg, (Merck,France)	Viên	5.327	
212	Metformin HCl (Glucophage), 500mg, (Merck,France)	Viên	1.758	
213	Metformin HCl (Glucophage), 850mg, (Merck,France)	Viên	3.786	
214	Methylcobalamin (SEACAMINFORT), 1500ug, (Hà Tĩnh,VN)	Viên	3.410	
215	Methyldopa, 250mg, (Traphaco,VN)	Viên	664	
216	Methylprednisolon (Kidsolon 4), 4mg, (US PHARMA USA,VN)	Viên	3.630	
217	Methylprednisolon (Methylprednisolone MKP), 16mg, (Mekophar,VN)	Viên	828	
218	Methylprednisolone (Medrol 16), 16mg, (Pfizer,Italy)	Viên	4.039	
219	Methylprednisolone (Medrol 4), 4mg, (Pfizer,Italy)	Viên	1.130	
220	Methylprednisolone acetate (Depo-Medrol), 40mg, (Pfizer,Belgium)	Lọ	37.096	
221	Metoprolol (Betaloc ZOK), 50mg, (AstraZeneca Pharmaceuticals LP; đóng AstraZeneca UK Ltd,Sweden)	Viên	5.874	
222	Metronidazol 250mg, 250mg, (Minh Dân,VN)	Viên	152	
223	Miconazole (VADIKIDDY), 2%_10g, (Merap Group,VN)	Tube	26.750	
224	Mifepristone (Mife 200), 200mg, (Hera,VN)	Viên	52.644	
225	Milian (Xanh Methylen+Tím Gentian), 400mg+50mg/20ml, (OPC,VN)	Chai	11.235	
226	Mirtazapin (ITAZPAM 15), 15mg, (Agimexpharm,VN)	Viên	4.895	
227	Mirtazapine (Mirzaten), 30mg, (Krka,D.D., Novo Mesto,Slovenia)	Viên	15.194	
228	Misoprostol (Heraprostol), 200mcg, (Herabiopharm,VN)	Viên	3.762	
229	Montelukast Natri (LAINMI 5), 5mg, (Laboratoririos lesvi.s.l,Spain)	Viên	8.763	
230	Montelukast Natri (ZINKAST 5), 5mg, (Hà Nam,VN)	Gói	6.195	
231	Mosaprid citrat (ABAMOTIC), 5mg, (Phuong Đông,VN)	Gói	12.519	
232	Moxifloxacin hydrochloride (Vigamox), 0,5% x 5ml, (Alcon,USA)	Lọ	96.299	
233	Muldini (Vitamin B1 5mg+Vitamin B2 2mg+Vitamin PP 20mg+Vitamin B6 2mg+Vitamin B5 3mg), 1.5g, (Nam Hà,VN)	Gói	14.766	
234	Mupirocin (AtiMUPiCin), 100mg/5g, (AN THIEN PHARMA,VN)	Tube	31.030	
235	Mupirocin (Bacterocin Oint), 20mg_15g, (Genuone Sciences,Korea)	Tube	104.860	

STT	TÊN THUỐC - NỒNG ĐỘ/ HÀM LƯỢNG - HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	ĐVT	GIÁ BÁN	GHI CHÚ
236	Naproxen (Propain), 500mg, (Remedica Ltd,Cyprus)	Viên	5.049	
237	Natri clorid (NASOLspray 70ml), 630mg, (Mekophar,VN)	Chai	14.445	
238	Natri clorid 0.9%, 12ml, (Medipharco,VN)	Lọ	5.618	
239	Natri clorid, 0,9%; 500ml , (AN THIEN PHARMA,VN)	Chai	6.561	
240	Natri hyaluronat (Hyasyn Forte), 20mg/2ml, (Shinpoong,Korea)	Bơm tiêm	535.395	
241	Natri Hyaluronate (Sanlein), 1mg/1ml_5ml, (Santen,Japan)	Lọ	66.509	
242	Natri valproat (Depakine), 200mg, (Sanofi,France)	Viên	2.727	
243	Natricarboxymethylcellulose (Refresh Tears), 0,5%_15ml, (Allergan,USA)	Lọ	68.589	
244	Nebivolol (Nebilet), 5mg, (Berlin Chemie AG,GERMANY)	Viên	8.132	
245	Neo_Tergynan, 500mg+65.000IU+100.000IU, (Bouchara Recordati,France)	Viên	12.712	
246	NEO-CODION, (Laboratoires,France)	Viên	3.944	
247	Neopeptine F Drops, 20mg+10mg+2mg+2mg+2mg, (Raptakos Brett,India)	Chai	59.199	
248	Neurixal (Vitamin B6 5mg+Magnesi lactat dihydrat 470mg), (Hasan - Dermapharm,VN)	Viên	2.033	
249	Nifedipin (Nifedipin Hasan 20 Retard), 20mg, (Hasan - Dermapharm,VN)	Viên	580	
250	NIFLAD ES (Amoxicilin 600mg + Acid clavulanic 42.9mg), (Imexpharm,VN)	Viên	12.198	
251	Novofine needles (FOC)(Novofine needles (FOC)), (Nipro Medical,Japan)	Cái	-	
252	Novotane Ultra (Polyethylen glycol 400+Propylen glycol), (4mg+3mg)/ml_5ml, (CPC1 Hà Nội,VN)	Lọ	50.001	
253	Novotane Ultra 10ml (Polyethylen glycol + Propylen glycol), (4mg+3mg)/ml; 10ml , (CPC1 Hà Nội,VN)	Ống	67.410	
254	Nystatin (Thuốc rơ miệng Nyst), 25.000IU, (OPC,VN)	Gói	1.432	
255	Ofloxacin (OFLOVID), 15mg, (Santen,Japan)	Lọ	59.783	
256	Olanzapine (Zapnex-5), 5mg, (Davipharm,VN)	Viên	539	
257	Omeprazol (Bioprazol 20mg), 20mg, (Inbionet,Bungari)	Viên	2.739	
258	Omeprazol, 20mg, (Domesco,VN)	Viên	1.012	
259	Oresol New 4,22g, 2,7g+0,52g+0,58g+0,3g, (Bidiphar,VN)	Gói	1.155	
260	Pamagel (Magnesi hydroxyd 800mg + Nhôm hydroxyd 800mg + Simethicon 60mg), 10ml, (Apimed,VN)	Gói	4.290	
261	Pantoprazol (Topraz 20), 20mg, (Aurobindo,India)	Viên	1.749	
262	Paracetamol (Acetab 325), 325mg, (Agimexpharm,VN)	Viên	144	
263	Paracetamol (Efferalgan Suppo), 150mg, (Bristol-Myers Squibb,France)	Viên đặt	2.484	

STT	TÊN THUỐC - NỒNG ĐỘ/ HÀM LƯỢNG - HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	ĐVT	GIÁ BÁN	GHI CHÚ
264	Paracetamol (Efferalgan Suppo), 300mg, (Bristol-Myers Squibb,France)	Viên đặt	2.905	
265	Paracetamol (Efferalgan Suppo), 80mg, (Bristol-Myers Squibb,France)	Viên đặt	2.079	
266	Paracetamol (Efferalgan), 500mg, (UPSA,France)	Viên	2.695	
267	Paracetamol (Hapacol 150), 150mg, (Hậu Giang,VN)	Gói	861	
268	Paracetamol (Para-OPC 250), 250mg, (OPC,VN)	Gói	1.848	
269	Paracetamol (Para-OPC 325), 325mg, (OPC,VN)	Gói	1.980	
270	Paracetamol (Parazacol), 250mg, (Pharbaco,VN)	Gói	2.145	
271	Paracetamol (Partamol eff.), 500mg, (Stellapharm,VN)	Viên	1.804	
272	Paracetamol (Partamol), 500mg, (Stada,VN)	Viên	552	
273	Pen NDL 32G 4MM PRO, 32G*4mm, (Becton Dickinson,Ireland)	Cái	-	
274	Pfertzel (Clopidogrel +Acid Acetylsalicylic), 75mg+75mg, (Davipharm,VN)	Viên	6.206	
275	Piascledine 300, 300mg, (Laboratorio ELEA ,France)	Viên	12.840	
276	Piracetam (Capriles), 800mg, (Hà Tây,VN)	Ống	8.346	
277	Piracetam (Impory), 1200mg/6ml, (HD PHARMA,VN)	Ống	10.131	
278	Piracetam (Pracetam 1200), 1200mg, (Stada,VN)	Viên	2.695	
279	Piracetam (ULCOGEN), 800mg, (CPC1 Hà Nội,VN)	Ống	8.505	
280	Piracetam 800, 800mg, (PHUC VINH,VN)	Viên	1.320	
281	Pirenoxin (Kary Uni), 0,25mg/5ml, (Santen,Japan)	Lọ	32.415	
282	PM Joint-care (Glucosamin 500mg + Lecithin 35mg + Cao khô hạt nho 1g + Cao khô lá trà xanh 250mg), (Probiotec,Australia)	Viên	4.384	
283	Povidone Iodine (Povidone 10%), 2g/20ml, (Agimexpharm,VN)	Chai	5.390	
284	Pramipexole (Sifrol), 0.25mg, (Boehringer Ingeltheim,GERMANY)	Viên	10.419	
285	Praziquantel (DISTOCIDE), 600mg, (Shinpoong,VN)	Viên	8.988	
286	Prednisolone (Prednisolon), 5mg, (DPTW2,VN)	Viên	1.964	
287	Pregabalin (Davyca), 75mg, (Davipharm,VN)	Viên	1.540	
288	Pregabalin (Lyrica), 75mg, (Pfizer,GERMANY)	Viên	18.923	
289	Pregabalin (Moritius), 75mg, (Davipharm,VN)	Viên	1.430	
290	Progesteron (Proges 200), 200mg, (Sterileright,India)	Viên	13.482	
291	Progesterone (UTROGESTAN 200), 200mg, (Cyndea Pharma,Spain)	Viên	15.887	
292	Rabeprazol natri (Raxium 20), 20mg, (Hậu Giang,VN)	Viên	580	
293	Rebamipid (Ayite), 100mg, (Davipharm,VN)	Viên	3.300	
294	Regulon (Ethinylestradiol+Desogestrel), 0,030mg+0,150mg, (Gedeon Richter,Hungary)	Viên	3.058	
295	Repaglinid (Eurolux-1), 1mg, (Davipharm,VN)	Viên	2.970	
296	Risedronat natri (RESIDRON), 35mg, (Pharmathen,Greece)	Viên	58.850	
297	Rivaroxaban (Cledigis), 20mg, (,VN)	Viên	18.380	
298	Rivaroxaban (Diucatil), 15mg, (,VN)	Viên	13.477	

STT	TÊN THUỐC - NỒNG ĐỘ/ HÀM LƯỢNG - HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	ĐVT	GIÁ BÁN	GHI CHÚ
299	Rivaroxaban (Enoclog), 20mg, (AN THIEN PHARMA, VN)	Viên	29.960	
300	Rivaroxaban (Xarelto), 10mg, (Bayer, GERMANY)	Viên	62.060	
301	Rivaroxaban (Xarelto), 20mg, (Bayer, GERMANY)	Viên	62.060	
302	Rivaroxaban (Xelostad 15), 15mg, (Stellapharm, VN)	Viên	26.960	
303	Rivaroxaban (Xelostad 20), 20mg, (Stellapharm, VN)	Viên	29.828	
304	Rosuvastatin (Carhurol), 10mg, (BRV Healthcare, VN)	Viên	748	
305	Rosuvastatin (Crestor 10), 10mg, (Astra Zeneca, USA)	Viên	10.589	
306	Rosuvastatin (Crestor), 20mg, (Astra Zeneca, USA)	Viên	15.946	
307	Rotundin (STILUX-60), 60mg, (Traphaco, VN)	Viên	690	
308	Saccharomyces boulardii (Normagut), 250mg, (Ardeypharm GmbH, GERMANY)	Viên	7.255	
309	Salbutamol (Atisalbu), 2mg/5ml, (AnThien Pharma, VN)	Ống	4.389	
310	Salbutamol (Ventolin Inhaler), 100mcg/liều, (Glaxo SK, Australia)	Chai	81.726	
311	Sắt III hydroxyd polymaltose (POKEMINE), 50mg/10ml, (Medisun, VN)	Ống	7.887	
312	Sắt protein succinylate (Atiferole), 800mg/15ml_30ml, (AnThien Pharma, VN)	Chai	40.648	
313	SCILIN M30 (30/70), Insulin 30/70; 100UI/ml; 3ml, (Bioton, Poland)	Ống	98.908	
314	Seretide Evohaler DC (Salmeterol+ Fluticasone propionate), 25/125mcg_120 liều, (Glaxo, Spain)	Bình	220.685	
315	Sertraline (Zoloft), 50mg, (Pfizer, GERMANY)	Viên	15.073	
316	SIMENIC (Alverin citrat+Simethicon), 40mg+100mg, (USA-NIC Pharma, VN)	Viên	5.473	
317	Simethicon (SIMECOL), 40mg/ml_10ml, (Apimed, VN)	Chai	19.260	
318	Solifenacin succinate (EGUDIN 5), 5mg, (Medisun, VN)	Viên	13.910	
319	Solifenacin succinate (Vesicare), 5mg, (Astellas Pharma Europe B.V., Hà lan)	Viên	27.526	
320	Spinolac plus (Spironolactone+Furosemide), 50mg/20mg, (Hasan - Dermapharm, VN)	Viên	1.480	
321	Spironolactone (Spinolac), 50mg, (Hasan - Dermapharm, VN)	Viên	1.686	
322	Sulpiride (DogmaKern), 50mg, (KERN PHARMA S.L., Spain)	Viên	3.850	
323	Supodatin (Vitamin B12 50mcg + Sắt sulfat 15mg + Calci glycerophosphat 12,5mg + Magnesi gluconat 4mg + Lysin HCl 12,5mg + Vitamin A 2500IU + Vitamin D3 200IU + Vitamin B1 10mg + Vitamin B2 1,25mg + Vitamin B3 12,5mg + Vitamin B6 5mg), 5ml, (Phuong Đông, VN)	Ống	8.068	
324	Tamsulosin HCl (Floesty), 0.4mg, (Spain)	Viên	12.840	
325	Tamsulosin HCl (Harnal OCAS), 0.4mg, (Astellas Pharma Europe B.V., Netherland)	Viên	15.729	

STT	TÊN THUỐC - NỒNG ĐỘ/ HÀM LƯỢNG - HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	ĐVT	GIÁ BÁN	GHI CHÚ
326	Tenofovir (Vemlidy), 25mg, (Ireland)	Viên	47.203	
327	Tenofovir disoproxil fumarat (Tefostad T300), 300mg, (Stellapharm,VN)	Viên	3.300	
328	Terbinafine HCl (TENAFIN 1% CERAM) , 10mg/g_15g, (VCP,VN)	Tube	26.739	
329	Tetracyclin, 500mg, (Domesco,VN)	Viên	978	
330	Thiabendazol (Pilavos), 500ng, (Usarichpharm,VN)	Viên	27.641	
331	Thiamazol (Mezamazol), 5mg, (Hataphar,VN)	Viên	459	
332	TIOTROPIUM (SPIRIVA), 2.5microgam, (Boehringer Ingeltheim,GERMANY)	Hộp 1 bình hít	840.105	
333	Tobradex (Tobramycin+Dexamethason), 3mg+1mg/5ml, (Acon,Belgium)	Lọ	50.611	
334	Tobramycin (Tobrex), 0,3%_5ml, (Acon,Belgium)	Lọ	42.799	
335	Tobramycin sulfate (Tobrin), 0.3%, (Balkanpharma,Belgium)	Lọ	36.380	
336	Tofisopam (Grandaxin)50mg, 50mg, (Egis,Hungary)	Viên	8.560	
337	Trajenta Duo (Linagliptin+Metformin HCl, 2.5mg+500mg, (Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.,GERMANY)	Viên	10.364	
338	Trajenta Duo (Linagliptin+Metformin HCl, 2.5mg+850mg, (Boehringer Ingeltheim,GERMANY)	Viên	10.364	
339	Transda-S (Lá sen 80mg + Lá vông 95mg + Rotundin 15mg), (BRV Healthcare,VN)	Viên	3.229	
340	Trimebutin maleat (Dedarich 200), 200mg, (Usarichpharm,VN)	Viên	3.740	
341	Trimetazidine dihydrochloride (Vastarel MR), 35mg, (Servier,France)	Viên	2.976	
342	Trolamine (BIAFINE), 0.67g/100g_46.5g, (Janssen Cilag ,France)	Tube	85.910	
343	Troysar AM (Amlodipin+Losartan), 5mg+50mg, (Troikaa Pharmaceuticals Ltd.,India)	Viên	5.564	
344	Ultracet (Tramadol HCl 37.5mg+ Paracetamol 325mg), (Janssen Cilag ,Italy)	Viên	5.981	
345	Uperio (Sacubitril 48.6mg/Valsartan 51.4mg), 100mg, (Novartis,Singapore)	Viên	21.400	
346	Uperio (Sacubitril 97.2mg/Valsartan 102.8mg), 200mg, (Novartis,Singapore)	Viên	21.400	
347	Vagsur (Clindamycin + Clotrimazol), 100mg + 200mg, (Medisun,VN)	Viên	20.330	
348	Valsartan (Diovan), 160mg, (Novartis,Swaziland)	Viên	15.909	
349	Valsartan (SaVi Valsartan 80), 80mg, (Savipharm,VN)	Viên	1.815	
350	Vedanal Fort (Acid fusidic 2% + Hydrocortisone acetate 1%), 10g, (Merap Group,VN)	Tube	64.200	
351	Venrutine (Rutin+Vitamin C), 500mg+100mg, (BV Pharma,VN)	Viên	3.850	
352	VITAMIN 3B (Vitamin B1 125mg+Vitamin B6 125mg + Vitamin B12 125mcg), (Hải Dương,VN)	Viên	1.210	

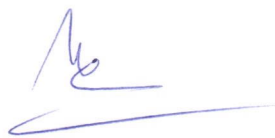
STT	TÊN THUỐC - NỒNG ĐỘ/ HÀM LƯỢNG - HÃNG, NƯỚC SẢN XUẤT	ĐVT	GIÁ BÁN	GHI CHÚ
353	Vitamin C (A.T Ascorbic syrup), 100mg/5ml; 10ml , (AnThien Pharma ,VN)	Ống	2.750	
354	Vitamin C (Kingdomin Vita C), 1000mg, (Bidiphar,VN)	Viên	845	
355	Vitamin C, 500mg, (KHANH HOA,VN)	Viên	190	
356	Vitamin C, 500mg, (OPC,VN)	Viên	338	
357	Vitamin E (Vitamin E), 400IU, (HD PHARMA,VN)	Viên	518	
358	Zebalos (Amoxicilin 400mg + Acid clavulanic 57mg), (Tipharco,VN)	Gói	9.630	
359	Zofenopril calcium (BIFRIL 30), 30mg, (A.MENARINI MANUFACTURING AND LOGISTICS SERVICE S.R.L.,Italy)	Viên	8.560	

NGƯỜI LẬP BIỂU



Bùi Thị Kiều

TRƯỞNG KHOA DƯỢC



Trần Thị Trúc Vân



Phan Văn Huyền